

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Chương này bao gồm các tài liệu: Phạm vi cung cấp, Yêu cầu kỹ thuật, Tiêu chí đánh giá kỹ thuật và Các tài liệu kỹ thuật khác + đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Cáp thép/Канаты стальные

SỐ ĐHXN - № заявки: 90.XDVL-0056/26-TVT

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во	Ghi Chú Примечание
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	028.010.00506	Cáp cầu 4x3m - 11.8 tấn / Строп 4x3m: 11,8 тонна	- Mỗi bộ gồm 04 nhánh với chiều dài từng sợi cáp 3,0 m. - SWL: 11,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bớp cáp bằng nhôm.	Set	2,00	
2	028.010.00507	Cáp cầu 4x3.5m - 11.8 tấn (D22) - Строп стальной грузовой	- Mỗi bộ gồm 04 nhánh với chiều dài từng sợi cáp 3.5 m. - SWL: 11,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bớp cáp bằng nhôm.	Set	4,00	
3	028.010.00311	Cáp cầu 4x3.5m - 9.8 tấn - Строп стальной грузовой	- Mỗi bộ gồm 04 nhánh với chiều dài từng sợi cáp 3.5m. SWL: 9,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bớp cáp bằng nhôm.	Set	4,00	
4	028.010.00505	Cáp cầu 4x3m - 9.8 tấn / Строп 4x3m: 9,8 тонна	- Mỗi bộ gồm 04 nhánh với chiều dài từng sợi cáp 3.0m. SWL: 9,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bớp cáp bằng nhôm.	Set	4,00	

5	028.010.00329	Cáp cầu 4x2.5 - 9.8 tấn / Строп 4x2,5м: 9,8 тонна	- Mỗi bộ gồm 04 nhánh với chiều dài từng sợi cáp 2.5m. SWL: 9,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.	Set	4,00	
6	028.010.00504	Cáp cầu 4x3.5m - 7.8 tấn - Строп стальной грузовой	- Mỗi bộ gồm 04 với chiều dài từng sợi cáp 3,5m. SWL: 7,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.	Set	4,00	
7	028.010.00359	Cáp cầu 4x3m - 7.8 tấn / Строп 4x3.0м: 7,8 тонна	- Mỗi bộ gồm 04 với chiều dài từng sợi cáp 3m. SWL: 7,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.	Set	4,00	
8	028.010.00503	Cáp cầu 4x2m - 7.8 tấn / Строп 4x2,0м: 7,8 тонна	- Mỗi bộ gồm 04 với chiều dài từng sợi cáp 2m. SWL: 7,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.	Set	3,00	
9	028.010.00534	Cáp cầu 4x1.5m - 7.8 tấn / Строп 4x1,5м: 7,8 тонна	- Mỗi bộ gồm 04 với chiều dài từng sợi cáp 1,5m. SWL: 7,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.	Set	5,00	
10	028.010.00583	Cáp cầu 1x1m + 4x2,0m: 7,8 tấn / Строп 1x1m + 4x2,0м: 7,8 тонна	- Mỗi bộ gồm 05 với chiều dài sợi chính 1m, 4 sợi cáp 2,m. SWL: 7,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link đơn liền, kích thước vòng lớn Ø32, 270x140, WLL 19 tấn PN: P-6810 (PART: GPMLADNV32. Master Link kép loại đúc	Set	5,00	



			liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.			
11	028.010.00584	Cáp cầu 1x1m + 4x2,5m: 7,8 tấn / Строп 1x1m + 4x2,5m: 7,8 тонна	- Mỗi bộ gồm 05 với chiều dài sợi chính 1m, 4 sợi cáp 2,5m. SWL: 7,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^{\circ} \div 45^{\circ}$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link đơn liền, kích thước vòng lớn Ø32, 270x140, WLL 19 tấn PN: P-6810 (PART: GPMLADNV32). Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.	Set	4,00	

(*) : New items



LD VIỆT - NGÀ VIETSOVPETRO
XN ĐỊA VẬT LÝ GIỀNG KHOAN

YÊU CẦU KỸ THUẬT **CÁP THÉP**

1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG:

- Dùng để nâng cầu các container, trạm tời, trạm đo từ XN Địa vật lý GK đi giàn khoan và ngược lại.

2. ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT SỬ DỤNG VẬT TƯ:

- Tất cả các loại cáp cầu phải đáp ứng được các yêu cầu làm việc trong điều kiện các công trình biển.

3. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI VẬT TƯ:

- Tất cả các loại cáp cầu phải phù hợp với các mô tả và các đặc tính kỹ thuật, sản xuất không trước năm 2025.
- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày giao hàng.
- Yêu cầu đóng gói: phải đảm bảo an toàn cho các vật tư trong quá trình vận chuyển và lưu giữ.

4. TIÊU CHUẨN CHẾ TẠO:

- Master Link sản xuất theo tiêu chuẩn EN 1677-4 hoặc tương đương.
- Cáp được sản xuất theo tiêu chuẩn BS EN 13414 hoặc tương đương.
- Vòng bóp cáp (ferrule) và bện lót cáp (thimble) được sản xuất theo tiêu chuẩn EN 13411 hoặc tương đương.

5. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT:

- Tất cả các loại cáp cầu, ma ní, cáp vải, cầu trục phải phù hợp với các mô tả, đặc tính kỹ thuật như danh mục liệt kê dưới đây hoặc phải tương đương.
- Các loại cáp cầu cung cấp được coi là tương đương nếu chúng phù hợp các thông số kỹ thuật, kích thước mô tả và các yêu cầu về môi trường làm việc.

6. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT VÀ THỜI GIAN GIAO HÀNG:

6.1 - Danh mục vật tư, đặc tính kỹ thuật:

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật
01	Cáp cầu 4x3,0m: 11,8 tấn	- Mỗi bộ gồm 04 nhánh với chiều dài từng sợi cáp 3,0 m. - SWL: 11,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ.



STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật
		- Vòng bóp cáp bằng nhôm.
02	Cáp cầu 4x3.5m: 11,8 tấn	- Mỗi bộ gồm 04 nhánh với chiều dài từng sợi cáp 3.5 m. - SWL: 11,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.
03	Cáp cầu 4x3,5m: 9,8 tấn	- Mỗi bộ gồm 04 nhánh với chiều dài từng sợi cáp 3.5m. SWL: 9,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.
04	Cáp cầu 4x3,0m: 9,8 tấn	- Mỗi bộ gồm 04 nhánh với chiều dài từng sợi cáp 3.0m. SWL: 9,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.
05	Cáp cầu 4x2,5m: 9,8 tấn	- Mỗi bộ gồm 04 nhánh với chiều dài từng sợi cáp 2.5m. SWL: 9,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.
06	Cáp cầu 4x3,5m: 7,8 tấn	- Mỗi bộ gồm 04 với chiều dài từng sợi cáp 3,5m. SWL: 7,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.
07	Cáp cầu 4x3m: 7,8 tấn	- Mỗi bộ gồm 04 với chiều dài từng sợi cáp 3m. SWL: 7,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương.

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật
		- Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.
08	Cáp cầu 4x2m: 7,8 tấn	- Mỗi bộ gồm 04 với chiều dài từng sợi cáp 2m. SWL: 7,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.
09	Cáp cầu 4x1,5m: 7,8 tấn	- Mỗi bộ gồm 04 với chiều dài từng sợi cáp 1,5m. SWL: 7,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.
10	Cáp cầu chùm 5 chân 1x1m + 4x2m x 7.8T	- Mỗi bộ gồm 05 với chiều dài sợi chính 1m, 4 sợi cáp 2m. SWL: 7,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link đơn liền, kích thước vòng lớn Ø32, 270x140, WLL 19 tấn PN: P-6810 (PART: GPMLADNV32). Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.
11	Cáp cầu chùm 5 chân 1x1m + 4x2,5m x 7.8T	- Mỗi bộ gồm 05 với chiều dài sợi chính 1m, 4 sợi cáp 2,5m. SWL: 7,8 tấn với góc cầu $\beta = 0^\circ \div 45^\circ$. - Cáp loại mạ kẽm lõi thép 6x36 IWRC. Cáp DSR hoặc tương đương. - Master Link đơn liền, kích thước vòng lớn Ø32, 270x140, WLL 19 tấn PN: P-6810 (PART: GPMLADNV32). Master Link kép loại đúc liền, kích thước vòng lớn Ø28, 140x270, WLL 14,5 tấn. PN: P-6820 (PART: GPMLADNV28) GreenPin Holland hoặc tương đương. Trên master link phải có kí mã hiệu được đúc rõ ràng phù hợp với chứng chỉ. - Vòng bóp cáp bằng nhôm.

6.2 Thời gian giao hàng:

- Không muộn hơn 04 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Hàng giao không quá hai lần.

6.3 Địa điểm giao hàng:



- Hàng hóa được giao tại Xí nghiệp Địa vật lý Giếng Khoan, địa chỉ 65/1 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh.
- 7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VỀ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA VẬT TƯ VỚI ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT CỦA VIETSOVPETRO:**
- Thiết bị cung cấp phải được đánh giá là phù hợp theo những tiêu chuẩn của VIETSOVPETRO đã đưa ra dựa trên những yêu cầu ở các mục trên.

8. ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT:

- Chào thầu sẽ được đánh giá trọn gói như trong bảng ở phần 6. Chào thầu chỉ được đánh giá là đạt yêu cầu kỹ thuật nếu chào đủ số lượng theo bảng danh mục và có đặc tính kỹ thuật thỏa mãn một trong các yêu cầu:
 - + Thông số đúng theo bảng Đặc tính kỹ thuật tại Mục 6 của YCKT.
 - + Thông số khác nhưng được đánh giá là tương đương nếu chúng phù hợp các thông số kỹ thuật, kích thước mô tả.

9. YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT:

Catalog cho các thành phần chào thầu tương đương như cáp mạ kẽm, master link, vòng bóp.

10. YÊU CẦU VỀ CHỨNG CHỈ:

Hàng hóa phải có những tài liệu sau đây:

- Tất cả các mục hàng phải có giấy xác nhận nguồn gốc và giấy chứng nhận chất lượng/mill test/ manufacturer test,... hoặc các giấy tờ tương đương cho từng loại cáp, từng master link, từng maní (Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của nhà sản xuất, tích hợp bộ cáp cầu). Giấy xác nhận nguồn gốc và giấy chứng nhận chất lượng cho từng bộ cáp cầu do nhà sản xuất tích hợp bộ cáp cầu (bản chính).
- Chứng chỉ nguồn gốc, chất lượng của bộ cáp do nhà gia công, tích hợp bộ cáp cấp (bản chính).
- Chứng chỉ kiểm định cho tất cả mục hàng 1÷11 và biên bản thử tải có xác nhận của do Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II hoặc tương đương. **Khi thử tải có sự giám sát của cán bộ kỹ thuật XNĐVL.**
- Tất cả các mục hàng: Gắn Name plate và vòng kẹp bằng nhôm dày 1,5 mm, rộng 12 mm vào từng chân cáp phù hợp với chứng chỉ của cơ quan có thẩm quyền cấp theo các tiêu chuẩn tương ứng. Thời điểm kiểm định không quá 01 tháng so với thời gian giao hàng. Khi thử tải có sự giám sát của cán bộ kỹ thuật XNĐVL.

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU
(Phần kỹ thuật)
Gói thầu cung cấp: Cáp thép

STT	Tên gọi các tiêu chí	Đánh giá “Đạt/Không đạt”	Lý do không đạt	Ghi chú
I	DANH MỤC VÀ QUY CÁCH KỸ THUẬT CỦA VẬT TƯ			
1	Phù hợp với điều kiện kỹ thuật sử dụng vật tư			Mục 2 trong YCKT
2	Phù hợp với yêu cầu chung.			Mục 3 trong YCKT
3	Phù hợp với năm sản xuất			Mục 3 trong YCKT
4	Thời gian bảo hành cho vật tư			Mục 3 trong YCKT
5	Yêu cầu về tiêu chuẩn chế tạo của hàng hóa			Mục 4 trong YCKT
6	Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật chung của hàng hóa			Mục 5, mục 6.1 trong YCKT
II	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN CÁC NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG			
7	Thời gian giao hàng & số lần gửi hàng.			Mục 6.2 trong YCKT
8	Địa điểm giao hàng			Mục 6.3 trong YCKT
9	Số lượng hàng hóa. Đóng gói hàng hóa.			Bảng danh mục & Mục 3 trong YCKT
10	Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật hàng hóa			Mục 9 trong YCKT
11	Yêu cầu về chứng chỉ hàng hóa			Mục 10 trong YCKT

ĐÁNH GIÁ:

- Chào hàng được đánh giá **ĐẠT** YCKT khi: tất cả các tiêu chí được đánh giá **ĐẠT**

Văn bản này được xác thực tại <https://eoffice.vietsov.com.vn> với số định danh: 265/26-DH-PVT/DVL
Văn bản này được xác thực tại <https://eoffice.vietsov.com.vn> với số định danh: 316/26-BC-PKTKH/DVL